TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69 /2021/DS-ST
Ngày 20 tháng 12 năm 2021
V/v: " Tranh chấp về Phường, Hụi, Họ"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H HÒA - TỈNH BẮC GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô TH Thuần;

Các Hội thẩm nhân dân: 1 - Ông Nguyễn Ngọc Trứ;

2 - Ông Bùi Thế Hanh;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ông Đặng Ngọc Lâm – Thư ký Toà án nhân dân huyện H Hòa, tỉnh Bắc Giang;

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H Hòa, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2021; về việc "Tranh chấp về Phường, Hụi, Họ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2021/QĐXXST - DS ngày 05 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2021/QĐST- DS ngày 24/11/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H - sinh năm 1964 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn Ngọc C, xã Hoàng TH, huyện H Hòa, tỉnh Bắc Giang;

2. Bị đơn: Ông Dương Văn B - sinh năm 1964 (Vắng mặt);

- Địa chỉ: Thôn Ngọc Sơn, xã Hoàng TH, huyện H Hòa, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan:

+ Bà Dương Thị NG- Sinh năm 1966 (Có mặt)

Nơi cư trú: thôn Ngọc C, xã Hoàng TH, huyện H Hòa, tỉnh Bắc Giang.

+ Bà Dương Thị L- Sinh năm 1959 (Có đơn xin vắng mặt khi xét xử)

Nơi cư trú: thôn Ngọc Sơn, xã Hoàng TH, huyện H Hòa, tỉnh Bắc Giang.

+ Anh Nguyễn Văn H- Sinh năm 1988 (vắng mặt)

Cư trú: thôn Ngọc Cốc, xã Hoàng TH, huyện H Hòa, tỉnh Bắc Giang

+ Anh Dương Ngô Đ- Sinh năm 1977 (Có đơn xin vắng mặt khi xét xử)

+ Anh Nguyễn Văn H1- Sinh năm 1986(Có đơn xin vắng mặt khi xét xử)

+ Anh Nguyễn Chung H2- Sinh năm 1984 (vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Văn KH- Sinh năm 1966(Có đơn xin vắng mặt khi xét xử)

+ Ông Nguyễn Văn M- Sinh năm 1954 (Vắng mặt)

+Anh Nguyễn Văn N- Sinh năm 1974 (Có đơn xin vắng mặt khi xét xử)

Cư trú: thôn Ngọc C, xã Hoàng TH, huyện H Hòa, tỉnh Bắc Giang.

+Anh Lê Hồng Quang- Sinh năm 1966 (Có đơn xin vắng mặt khi xét xử)

+ Anh Lê Văn Vân- Sinh năm 1968 (Có đơn xin vắng mặt khi xét xử)

Cư trú: thôn Tân Định, xã Hoàng Lương, huyện H Hòa, tỉnh Bắc Giang.

+ Chị Lê Thị Xâm- Sinh Năm 1976. (Có đơn xin vắng mặt khi xét xử)

Cư trú: thôn Phú Dương 1, xã Dương Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

+ Anh Dương Văn Quyết- Sinh năm 1979 (Có đơn xin vắng mặt khi xét xử)

Cư trú: thôn Phú Dương 1, xã Dương Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

+ Anh Dương Ngô Vinh- Sinh năm 1978 (Có đơn xin vắng mặt khi xét xử)

Cư trú: thôn Thống Nhất, xã Hoàng TH, huyện H Hòa, tỉnh Bắc Giang.

+ Ông Phạm Văn Chương- Sinh năm 1963 (Có đơn xin vắng mặt khi xét xử)

Cư trú: Ngọc C, xã Hoàng TH, huyện H Hòa, tỉnh Bắc Giang.

+ Bà Trần Thị Lâm- Sinh năm 1960 (Có đơn xin vắng mặt khi xét xử)

Cư trú: thôn Trung Tâm, xã Hoàng TH, huyện H Hòa, tỉnh Bắc Giang.

+ Ông Trần Văn Hội- Sinh năm 1963(Có đơn xin vắng mặt khi xét xử)

Cư trú: thôn Ngọc Phú, xã Hoàng TH, huyện H Hòa, tỉnh Bắc Giang.

+ Chị Hà Thị Huệ- Sinh năm 1967. (Có đơn xin vắng mặt khi xét xử)

Cư trú: thôn Ngọc C, xã Hoàng TH, huyện H Hòa, tỉnh Bắc Giang.

+ Anh Nguyễn Văn Tuấn- Sinh năm 1975 (Có đơn xin vắng mặt khi xét xử)

Cư trú: thôn Ngọc C, xã Hoàng TH, huyện H Hòa, tỉnh Bắc Giang.

+ Chị Nguyễn Thị C1- Sinh năm 1966. (Có đơn xin vắng mặt khi xét xử)

Cư trú: thôn Quán, xã TH N, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên (là vợ anh Nguyễn Văn Khanh)

+ Anh Nguyễn Văn Quý- Sinh năm 1985. (Có đơn xin vắng mặt khi xét xử)

Cư trú: thôn Ngọc C, xã Hoàng TH, huyện H Hòa, tỉnh Bắc Giang.

+ Anh Trần Văn Khang- Sinh năm 1970. (Có đơn xin vắng mặt khi xét xử)

Cư trú: thôn Ngọc C, xã Hoàng TH, huyện H Hòa, tỉnh Bắc Giang.

+ Anh Dương Ngô K- Sinh năm 1981 (vắng mặt)

Cư trú: thôn Ngọc C, xã Hoàng TH, huyện H Hòa, tỉnh Bắc Giang.

+ Ông Trần Mậu V- Sinh năm 1963 (Có đơn xin vắng mặt khi xét xử)

Cư trú: thôn Trung Tâm, xã Hoàng TH, huyện H Hòa, tỉnh Bắc Giang.

+Anh Nguyễn Văn L- Sinh năm 1971 (Có đơn xin vắng mặt khi xét xử)

Cư trú: Thôn An Lạc, xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn H ngày 02/6/2021, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn là anh H trình bày:

Anh và anh Dương Văn B là chỗ quen biết trong các năm 2015 và năm 2016 anh có tổ chức 03 dây phường, cho những người tham gia chơi phường nhằm mục đích giúp đỡ nhau để phát triển kinh tế gia đình, có nhiều người tham gia chơi trong đó có anh Dương Văn B C thể như sau:

Dây phường thứ nhất: Ngày 20/10/2015, anh và cùng 11 người khác gồm(anh B; anh H; anh Đ; anh H1; anh Quang; anh H2; chị Xâm; anh KH; anh M; anh Vân; anh N), thỏa thuận tham gia hội phường nhằm mục đích giúp đỡ nhau để phát triển kinh tế gia đình, trong số 12 người tham gia hội phường có anh Dương Văn B, tổng suất phường là 20 suất, mỗi suất 3.000.000 đồng trên tháng, người lấy rồi pH nộp 3.600.000 đồng cho người lấy sau, thời gian nộp tiền phường vào các ngày từ 20 đến ngày 25 hàng tháng, thời gian giao phường vào ngày 27 hàng tháng, vợ chồng anh B tham gia chơi 02 suất. Hội phường cũng thống nhất bầu anh là Trưởng hội phường, trách nhiệm của Trưởng hội phường là thu tiền của các hội viên để trả cho người được lấy phường, nếu chưa thu được thì pH bỏ tiền ra đóng thay cho người chưa nộp.

Tháng 11/2015 anh B là người lấy phường thứ 2 và đã nhận số tiền là 60.000.000đồng (Bao gồm cả chủ là anh B) thể hiện tại biên bản bản giao phường BL số 37 anh B tự ghi " B lấy 60.000.000 đồng cả chủ" .

Ngày 28/12/2015 anh B là người lấy phường thứ ba và đã được giao nhận số tiền là 60.600.000 đồng (Bao gồm cả chủ là anh B) thể hiện tại biên bản bản giao phường BL số 37 anh B đã ký nhận.

Sau khi lấy phường thì anh B đã đóng tiền phường được 13 suất trên tổng số 20 suất, anh B đóng đến tháng 10/2016, sau đó anh B bỏ không tham gia phường và không đóng tiền phường, do vậy anh pH bỏ tiền nhà ra để đóng thay cho anh B mỗi tháng là 7.200.000 đồng.

Tổng số tiền pH đóng thay anh B là: 07 tháng x 7.200.000 đồng = 50.400.000 đồng, hiện nay phường trên đã kết thúc vào tháng 5/2017.

Dây phường thứ hai: Ngày 15/01/2016, Anh và anh B cùng những người khác (Gồm: anh H, chị Xâm; vợ chồng anh B; anh Quyết; anh Dương Văn Vinh; anh Đ; anh Chương; chị Lâm; anh Vinh; anh Hội; chị Huệ; anh N), thỏa thuận tham gia hội phường nhằm mục đích giúp đỡ nhau để phát triển kinh tế gia đình, trong số 12 người tham gia hội phường tổng suất phường là 18 suất, mỗi suất 3.000.000 đồng trên tháng, người lấy rồi pH nộp 3.500.000 đồng cho người lấy sau, thời gian nộp

tiền phường vào các ngày từ 15 đến ngày 20 hàng tháng, thời gian giao phường vào ngày 22 hàng tháng, vợ chồng anh B tham gia chơi 02 suất. Hội phường cũng thống nhất bầu anh là Trưởng hội phường, trách nhiệm của Trưởng hội phường là thu tiền của các Hội viên để trả cho người được lấy phường, nếu chưa thu được thì pH bỏ tiền ra đóng thay cho người chưa nộp. Ban đầu anh B đăng ký lấy suất thứ ba và suất thứ năm, tuy nhiên sau đó có giữa anh B và anh Quyết đã đổi cho nhau thì anh B lấy suất thứ ba và suất thứ tư C thể;

Ngày 20/3/2016 anh B là người lấy phường thứ 3 và đã nhận số tiền là 54.500.000 đồng (Bao gồm cả chủ là anh B), anh B đã ký nhận; BL số 32

Ngày 22/4/2016 anh B là phường thứ 4 và đã nhận số tiền là 55.000.000 đồng (Bao gồm cả chủ là anh B) anh B đã ký nhận; BL số 32

Sau khi lấy phường thì anh B đã đóng tiền phường được 09 tháng đóng đến tháng 10/2016, còn 09 tháng còn lại anh B không đóng, tôi là trưởng phường tôi pH bỏ tiền nhà ra để đóng thay cho anh B 02 suất/01 tháng = 7.000.000 đồng x 09 tháng = 63.000.000 đồng. Phường này đã kết thúc vào tháng 6/2017

Dây phường thứ ba: Ngày 05/06/2016, Anh và cùng 14 người khác trong đó có anh B (Gồm: anh H, KH; B; Tuấn; Khanh; H2; N; L; Khang; Quý; K; H; Hội; N; V), thỏa thuận tham gia hội phường nhằm mục đích giúp đỡ nhau để phát triển kinh tế gia đình, trong số 15 người tham gia hội phường tổng suất phường là 19 suất, mỗi suất 3.000.000 đồng trên tháng, người lấy rồi pH nộp 3.500.000 đồng cho người lấy sau, thời gian nộp tiền phường vào các ngày từ 05 đến ngày 10 hàng tháng, thời gian giao phường vào ngày 12 hàng tháng, vợ chồng anh B tham gia chơi 03 suất. Hội phường cũng thống nhất bầu anh là Trưởng hội phường, trách nhiệm của Trưởng hội phường là thu tiền của các hội viên để trả cho người được lấy phường, nếu chưa thu được thì pH bỏ tiền ra đóng thay cho người chưa nộp. anh B đăng ký lấy liền ba suất thứ tự là thứ ba; thứ tư và thứ năm C thể:

Ngày 11/8/2016 anh B là người lấy phường thứ 3 và đã nhận số tiền là 57.500.000 đồng (Bao gồm cả chủ là anh B), anh B đã ký nhận BL số 28

Ngày 11/9/2016 anh B là người lấy phường thứ 4 và đã nhận số tiền là 58.000.000 đồng (Bao gồm cả chủ là anh B) anh B đã ký nhận BL số 28

Ngày 14/10/2016 anh B là người lấy phường thứ 5 và đã nhận số tiền là 58.500.000 đồng (Bao gồm cả chủ là anh B) anh B đã ký nhận BL số 28

Sau khi lấy phường thì anh B đã đóng tiền phường được 02 tháng đến tháng 10/2016, còn 17 tháng còn lại anh B không đóng, tôi là trưởng phường tôi pH bỏ tiền nhà ra để đóng thay cho anh B 03 suất/01tháng = 10.500.000 đồng x 17 tháng = 178.500.000 đồng.

Tổng số tiền tôi pH đóng thay cho vợ chồng anh B = 291.900.000 đồng.

Quá trình vợ chồng tôi có đến đòi vợ chồng anh B, chị L nhiều lần, anh B và chị L đã trả cho tôi được 7.000.000 đồng (Một lần 2.000.000 đồng và một lần

5.000.000 đồng). Nay tôi xác định vợ chồng anh B và chị L còn nợ tôi 284.900.000 đồng tôi yêu cầu anh B và chị L trả tôi số tiền nợ trên.

Về tiền lãi: Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút đối với yêu cầu đòi lãi.

Đối với bị đơn là anh B và người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan là chị Dương Thị L (Vợ anh B): Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Dương Văn B, chị L và tiến hành niêm yết công khai theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành mở pH họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự, tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết công khai theo quy định của pháp luật và nhiều lần L hệ điện thoại yêu cầu anh B đến Tòa án làm việc, nhưng anh B và chị L không đến Tòa án để làm việc mà không có bất cứ lý do gì.

Quá trình làm việc, Tòa án có ghi lời khai của chị L: Chị xác định chị là Vợ anh B, hiện nay anh B đi làm ở Hà Nội không có nhà, thi thoảng mới về, chị không biết địa chỉ C thể: Về việc anh B chồng chị và chỗ anh H là chỗ quen biết, chị xác định anh B chồng chị có tham gia chơi phường với anh H từ năm 2015, tuy nhiên việc anh B tham gia chơi phường như thế nào thì chị không được biết, đến khoảng năm 2020 thì anh H có đến nhà đòi tiền, chị có hỏi anh B thì chị mới biết việc chồng chị nợ tiền phường anh H, sau đó vợ chồng anh H, chị NG có đến gia đình chị đòi tiền nhiều lần, vợ chồng chị có trả lúc thì 2.000.000 đồng, lúc thì 5.000.000 đồng C thể trả bao nhiêu chị không biết và không có văn bản giấy tờ gì, không có ai làm chứng. Nay anh H khởi kiện yêu cầu chị cùng pH trả số tiền phường nợ thì chị không đồng ý, còn C thể việc anh B chồng chị chơi phường, nợ bao nhiêu như thế nào thì chị đề nghị làm việc với anh B.

Tại biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan:

Ngày 08/7/2021 chị Dương Thị NG trình bày như sau: Chị là vợ anh Nguyễn Văn H là Trưởng hội phường, chị không tham gia chơi phương, tuy nhiên chị là vợ có tham gia cùng anh H trong việc theo dõi, đôn đốc những người tham gia chơi phường, chị xác định anh B có tham gia chơi phường như anh H trình bày ở trên và chị xác định Tổng số tiền anh H pH đóng thay anh B là 291.900.000 đồng, đó là tiền chung của vợ chồng. Chị xác định có cùng anh H đến gia đình anh B đòi tiền nhiều lần vợ chồng anh B đã trả cho vợ chồng chị được tổng số tiền la 7.000.000 đồng, sau đó vợ chồng anh B cứ khất nợ không trả, nay chị yêu cầu vợ chồng anh B và chị L pH trả cho vợ chồng chị số tiền còn nợ là 284.900.000 đồng về tiền lãi tại phiên tòa chị không yêu cầu.

Tại các bản tự khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan (Những người tham gia Hội phường) trong vụ án (BL 137 đến 157) gồm: ông Nguyễn Văn M; chị Lê Thị Xâm; chị Nguyễn Thị C1; anh Nguyễn Văn H; anh Dương Văn Quyết; anh Dương Ngô V; anh Lê Văn Vân; anh Lê Hồng Quang; anh Nguyễn Văn L; anh Trần Hữu Hội; anh Trần Mậu Vinh; bà Trần Thị Lâm; ông Dương Ngô Đ; ông Nguyễn Văn N; anh Trần Văn Khang; ông Nguyễn Văn KH; ông Phạm Văn Chương; Bà Hà Thị Huệ; anh Nguyễn Văn Quý; anh Nguyễn Văn H1; anh Nguyễn Văn Tuấn); Đều khai nhận có tham gia Hội phường do anh H là hội

trưởng. Anh Dương Văn B có tham gia chơi phường, sau khi lấy phường, anh Dương Văn B không đóng tiền phường cho anh H để trả cho những người lấy phường sau. Do hội phường quy định anh Nguyễn Văn H là trưởng phường, có trách nhiệm thu của những người tham gia hội phường để trả cho những người lấy phường sau, nếu chưa thu được thì anh H pH bỏ tiền của gia đình để đóng thay. Do vậy anh H pH bỏ tiền nhà ra để đóng thay đối với suất phường do anh B không đóng. Hiện nay những người chơi đều đã được anh H giao tiền phường đầy đủ và không có yêu cầu gì và đều đề nghị xin vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

Đối với anh Dương Ngô K; anh Nguyễn Chung H2 (Là con ông H nguyên đơn) tham gia chơi phường hiện nay anh K; anh H2 không có mặt tại địa phương Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định.

Tại phiên toà, Đ diện viện kiểm sát nhân dân huyện H Hòa phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xét đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định, đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ L quan chưa chấp hành đầy đủ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án, Đ diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

-Áp dụng các Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005 (nay được quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015); khoản 2 Điều 357, Điều 288; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Điều 271; Điều 273; Điều 228; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Buộc ông Dương Văn B và bà Dương Thị L pH có nghĩa vụ L đới TH TH toán trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Dương Thị NG số tiền số tiền phường họ còn nợ là 284.900.000đ.

Đình chỉ đối với yêu cầu đòi tiền lãi của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H

Về án phí: Ông Dương Văn B pH chịu 7.122.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Dương Thị L do bà L thuộc đối tượng người cao tuổi. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].***Về thủ tục tố tụng:***

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 5 năm 2021, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 02/6/2021 của ông Nguyễn Văn H đây xác định là quan hệ tranh chấp về phường, họ quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn và một số người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn

cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự có tên nêu trên là phù hợp với quy định.

Bà Dương Thị L và những người tham gia chơi phường cùng: Có đơn xin vắng mặt khi hòa giải và xét xử. Toà án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].***Về nội dung tranh chấp:***

* Xét yêu cầu của ông H yêu cầu ông B và bà L pH trả cho ông H số tiền 284.900.000đ (Hai trăm tám mươi tư triệu, chín trăm nghìn đồng) tiền ông B còn nợ tiền đóng phường của 3 dây phường,Thấy rằng:

Ông Nguyễn Văn H và ông Dương Văn B là chỗ quen biết, anh Dương Văn B tự nguyện thỏa thuận về việc chơi 03 hội phường ngày 20/10/2015; Ngày 15/01/2016 và ngày 05/6/2016, xác nhận là các hợp đồng hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Theo biên bản họp phường, họ 20/10/2015; ngày 15/01/2016 và ngày 05/6/2016 giữa các thành viên tham gia họp phường, họ đã có thỏa thuận về số tiền đóng phường, lãi suất, thời gian đóng góp phường họ, trách nhiệm của trưởng phường, họ cũng như trách nhiệm của các thành viên tại các biên bản họp phường. Như vậy, các bên đã giao kết về hợp đồng dân sự, việc giao kết này giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, về hình thức và nội dung của giao kết không trái với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều: 389, 401, 402, 403, 404 của Bộ luật dân sự năm 2005 tại thời điểm giao kết; phù hợp với quy định tại các Điều: 7, 8, 13, 14, 15, 16, 17 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Việc nguyên đơn (ông H) khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu bị đơn (ông B và bà L) pH hoàn trả lại số tiền đã đóng phường trả cho các thành viên khác trong hội phường thay cho bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật. Quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hụi, họ, biêu, phường được quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005 (nay được quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015). Nội dung thỏa thuận phường, họ có lãi nên việc giải quyết tranh chấp giữa trưởng phường, họ với thành viên chơi phường trong vụ án được áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 13, khoản 4 Điều 15, khoản 1, 3 Điều 16 và Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường.

Tại Tòa án, ông H xuất trình các tài liệu thể hiện ông B đã nhận được đầy đủ số tiền phường mà ông B tham gia chơi, phía ông B đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các văn bản tố tụng; Biên bản phiên họp công khai chứng cứ, tuy nhiên ông B không đến Tòa án làm việc và không có văn bản ý kiến trình bày gửi cho tòa án mà không có lý do, không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ông B đã đóng tiền phường, họ hàng tháng cho ông H và không đưa ra được tài liệu, chứng cứ thể hiện việc ông B đã TH toán xong toàn bộ tiền đóng phường, họ cho ông H ở 03 dây phường ông B tham gia chơi cùng ông H là trưởng phường.

Tại biên bản ghi lời khai của bà L vợ ông B thừa nhận việc ông B có tham gia chơi phường cùng ông H và thừa nhận có nợ tiền phường ông H còn nợ C thể bao

nhiêu bà không biết,và thừa nhận vợ chồng ông H và bà NG đã đến đòi tiền nhiều lần, vợ chồng có trả được hai lần một lần là 2.000.000 đồng và một lần là 5.000.000 đồng.

Đối với ý kiến trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ L quan trong vụ án (Là nhưng người tham gia chơi phường) đều thể hiện việc ông B đã nhận đủ tiền phường của 03 dây phường, nhưng sau đó không đóng tiền phường cho trưởng phường là ông H, các suất phường của những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan đều đã được ông H trả đầy đủ và ba dây phường đã kết thúc. Số tiền ông B còn nợ tiền đóng phường, là tiền của gia đình ông H pH bỏ ra để đóng thay các suất phường của ông B pH đóng cho những thành viên trong hội phường. Do đó, số tiền ông B còn nợ tiền phường nêu trên là tiền của vợ chồng ông H và bà NG.

Do đó có căn cứ để khẳng định việc ông B tham gia chơi phường cùng ông H và nợ tiền phường là có thật, vì vậy yêu cầu khởi kiện của ông H có căn cứ và cần được chấp nhận.

Như vậy số tiền ông B còn nợ tiền phường họ của ông H được xác định là 284.900.000đ cần buộc ông Dương Văn B và bà Dương Thị L pH có nghĩa vụ TH toán trả cho ông H và bà NG.

Quan hệ giữa ông Dương Văn B và bà Dương Thị L là quan hệ vợ chồng.Việc chơi phường, họ trong dân đều nhằm mục đích giúp đỡ lẫn nhau để phát triển kinh tế gia đình, thu nhập hợp pháp cũng như nợ của vợ chồng trong thời K hôn nhân là thu nhập là nợ chung của vợ chồng. Căn cứ vào Điều 288 của Bộ luật dân sự và Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình thì bà L, ông B pH chịu trách nhiệm L đới đối với việc TH toán nợ gốc 284.900.000 đồng cho ông H và bà NG tiền phường họ còn nợ nêu trên là phù hợp.

[3]. Đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ban đầu đối với khoản tiền lãi, yêu cầu anh B và chị L pH trả theo quy định. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu của anh H tại phiên tòa là phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu này của nguyên đơn.

[4]. Đối với bà Dương Thị L qua xác M tại địa phương thì bà Dương Thị L sinh năm 1959 thuộc đối tượng người cao tuổi nên cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà L là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 12; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[5].Về án phí: Yêu cầu của ông Nguyễn Văn H được chấp nhận, vì vậy ông Dương Văn B và bà Dương Thị L pH L đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bà Dương Thị L là đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn H không pH chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6].Kiểm sát viên Đ diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện H Hòa, tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến; Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán,

Thư ký, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng trong vụ án cũng như phát biểu về việc giải quyết vụ án là phù hợp cần được chấp nhận.

Vì lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 479, 389, 401, 402, 403, 404 của Bộ luật dân sự năm 2005, khoản 2 Điều 357, Điều 288; Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Điều 217;Điều 271; Điều 273; Điều 228; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Buộc ông Dương Văn B và bà Dương Thị L pH có nghĩa vụ L đới TH TH toán trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Dương Thị NG số tiền phường họ còn nợ là 284.900.000đ (Hai trăm tám mươi tư triệu chín trăm nghìn đồng).

Đình chỉ đối với yêu cầu đòi tiền lãi của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H.

Về án phí: Ông Dương Văn B pH chịu 7.122.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Dương Thị L do bà L thuộc đối tượng người cao tuổi.

Ông Nguyễn Văn H không pH chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Văn H số tiền 6.597.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000728, ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Chi Cc Thi hành án dân sự huyện H Hòa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án vắng mặt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Tòa án ND tỉnh Bắc Giang*
- *VKSND tỉnh Bắc Giang;*
- *VKSND huyện H Hòa;*
- *Các đương sự;*
- *Chi Cc thi hành án;*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

- *Lưu.*

Ngô TH Thuần